

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Ninh Đức C**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Chị **Phạm Thuỳ T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2020

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Anh Ninh Đức C và chị Phạm Thuỳ T.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về con chung*: Giao con chung là Ninh Đức D, sinh ngày 09/02/2013 cho anh Ninh Đức C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Giao con chung là Ninh Như Q, sinh ngày 25/5/2014 cho chị Phạm Thuỳ T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn. Anh Ninh Đức C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thuỳ T, mức cấp dưỡng là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/ tháng. Phương thức cấp

dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi con Ninh Như Q đủ 18 tuổi.

Anh Ninh Đức C và chị Phạm Thuỳ T có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ong ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ- ợc thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

- *Về tài sản chung:* Anh Ninh Đức C và chị Phạm Thuỳ T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Anh Ninh Đức C và chị Phạm Thuỳ T đều xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Ninh Đức C tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm m- ời nghìn đồng*) và phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm m- ời nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/000403 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ninh Đức C đã nộp đủ án phí của vụ án.

Chị Phạm Thuỳ T không phải nộp án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"*/

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường An Tường, TP.Tuyên Quang (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

**THẨM PHÁN**

**Đào Thị Thu Thuỷ**

